

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHO MỘT SỐ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Tam Đường)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số tiền tăng	Tổng số tiền giảm	Chi tiết																																Ghi chú								
				Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Văn phòng Huyện ủy	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Trường Mầm Non Nùng Nàng	Trường Mầm non xã Hồ Thầu	Trường Mầm non xã Giang Ma	Trường MN Na Tâm	Trường MN Bàn Hôn	Trường MN Sơn Bình	Trường MN Khun Há	Trường Mầm non Bàn Giang	Trường MN Bình Lư	Trường MN Then Sín	Trường MN Bàn Bò	Trường MN Thị trấn Tam Đường	Trường MN xã Tả Lèng	Trường PTDTBT Tiểu học Khun Há	Trường PTDTBT TH Giang Ma	Trường tiểu học Bình Lư	Trường PTDTBT Tiểu học Tả Lèng	Trường TH Bàn Giang	Trường tiểu học Thị Trấn	Trường PTDTBT tiểu học Thèn Sín	Trường PTDTBT Tiểu học Bàn Bò	Trường THCS Thị Trấn	Trường THCS Bình Lư	Trường THCS Tả Lèng	Trường THCS Bàn Giang	Trường TH&THCS Na Tâm	Trường TH&THCS Bàn Hôn	Trường THCS Giang Ma		Trường THCS Bàn Bò	Trường TH&THCS Nùng Nàng	Trường PTDTBT THCS Khun Há	Trường TH&THCS Hồ Thầu	Trường THCS Thèn Sín	Trường TH&THCS Sơn Bình		
A	Tổng cộng	4.216.040	4.216.040	1.500.000	-	1.500.000	311.040	342.720	42.420	9.720	90.160	211.180	9.720	89.680	89.220	109.460	115.280	30.620	44.260	12.960	389.480	102.720	284.720	187.720	1.786.480	392.480	134.720	118.240	3.240	6.480	6.480	3.240	36.480	9.720	6.480	6.480	9.720	111.120	304.960	6.480	16.200			
-	Tổng điều chỉnh giảm		4.216.040	-	-	1.500.000	311.040	-	-	-	-	204.700	-	83.200	-	-	-	-	15.100	-	-	-	-	-	1.780.000	-	-	-	-	-	-	-	30.000	-	-	-	-	-	292.000	-	-			
-	Tổng điều chỉnh tăng	4.216.040	-	1.500.000	-	-	-	342.720	42.420	9.720	90.160	6.480	9.720	6.480	89.220	109.460	115.280	30.620	29.160	12.960	389.480	102.720	284.720	187.720	6.480	392.480	134.720	118.240	3.240	6.480	6.480	3.240	6.480	9.720	6.480	6.480	9.720	111.120	12.960	6.480	16.200			
I	Điều chỉnh dự toán	4.216.040	4.216.040	1.500.000	0	1.500.000	311.040	342.720	42.420	9.720	90.160	211.180	9.720	89.680	89.220	109.460	115.280	30.620	44.260	12.960	389.480	102.720	284.720	187.720	1.786.480	392.480	134.720	118.240	3.240	6.480	6.480	3.240	36.480	9.720	6.480	6.480	9.720	111.120	304.960	6.480	16.200			
1	Điều chỉnh giảm kinh phí sự nghiệp giáo dục		311.040			311.040																																						
2	Bổ sung kinh phí hỗ trợ chế độ tiền lương...cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ	311.040						9.720	9.720	9.720	12.960	6.480	9.720	6.480	9.720	12.960	6.480	9.720	29.160	12.960	6.480	9.720	9.720	9.720	6.480	6.480	9.720	3.240	3.240	6.480	6.480	3.240	6.480	9.720	6.480	6.480	9.720	9.720	12.960	6.480	16.200			
3	Điều chỉnh giảm kinh phí sửa chữa tháp truyền hình và các hạng mục phụ trợ (Bổ sung có mục tiêu)		1.500.000			1.500.000																																						
4	Bổ sung kinh phí thực hiện Sửa chữa các tuyến đường phố (phố Tô Vĩnh Diện, phố Nguyễn Thái Học, Phố Nguyễn Việt Xuân, Phố Lê Văn Tám) thị trấn Tam Đường (Bổ sung có mục tiêu)	1.500.000		1.500.000																																								
5	Điều chỉnh tăng chi thường xuyên (lương, các khoản phụ cấp theo lương, chi khác...)		2.405.000								204.700			83.200					15.100						1.780.000															30.000			292.000	
6	Điều chỉnh tăng chi thường xuyên (lương, các khoản phụ cấp theo lương, chi khác...)	2.405.000						333.000	32.700		77.200				79.500	96.500	108.800	20.900			383.000	93.000	275.000	178.000		386.000	125.000	115.000														101.400		

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CHI MỘT SỐ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ*(Kèm theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Tam Đường)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Mã khoản	Mã nguồn	Kinh phí điều chỉnh giảm (-)			Kinh phí điều chỉnh tăng (+)			Ghi chú
				Tổng kinh phí giảm	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Văn phòng Huyện ủy	Tổng kinh phí tăng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Văn phòng Huyện ủy	
A	Tổng cộng			530.900	500.000	30.900	530.900	500.000	30.900	
1	Điều chỉnh giảm nội dung chi quy hoạch chi tiết 1/500 khu vực phía Đông bắc Thị trấn Tam Đường	332	12	500.000	500.000					
2	Điều chỉnh tăng quy hoạch chi tiết 1/500 khu vực phía Tây bắc Thị trấn Tam Đường	332	12				500.000	500.000		
3	Điều chỉnh giảm kinh phí hỗ trợ cốt cán đặc thù	351	12	30.900		30.900				
4	Điều chỉnh tăng kinh phí hội thi dân vận khéo tại tỉnh	351	12				25.200		25.200	
5	Điều chỉnh tăng Kinh phí dịch vụ truyền thông hội nghị (NGN)	351	12				5.700		5.700	

ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Phòng Giáo dục & Đào tạo

Mã đơn vị QHNS: 1009449

Mã Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch: 3166

Mã địa bàn hành chính: 106

(Kèm theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Tam Đường)

DVT: đồng

Nội dung	Mã khoản	Mã chương trình mục tiêu (nếu có)	Mã nguồn NSNN	Dự toán		
				Tổng số (6+7)	Rút dự toán	Cấp bằng lệnh chi tiền
1	2	3	4	5	6	7
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách các khoản phí, lệ phí						
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước				311.040.000	311.040.000	
1. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				311.040.000	311.040.000	
1.1 Kinh phí thường xuyên				311.040.000	311.040.000	
- Giáo dục Mầm non	071		13	145.800.000	145.800.000	
- Giáo dục Tiểu học	072		13	90.720.000	90.720.000	
- Giáo dục THCS	073		13	74.520.000	74.520.000	

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị dự toán cấp 1: Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Tam Đường

Mã chương đơn vị DT cấp 1: 620

Mã đơn vị QH với ngân sách: 1088608

BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Tam Đường

Mã đơn vị QHNS: 1088608

Mã Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch: 3166

Mã địa bàn hành chính: 106

(Kèm theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Tam Đường)

DVT: đồng

Nội dung	Mã khoản	Mã chương trình mục tiêu (nếu có)	Mã nguồn NSNN	Dự toán		
				Tổng số (6+7)	Rút dự toán	Cấp bằng lệnh chi tiền
1	2	3	4	5	6	7
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách các khoản phí, lệ phí						
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước				1.500.000.000	1.500.000.000	
1. Quản lý hành chính						
2. Sự nghiệp kinh tế khác				1.500.000.000	1.500.000.000	
2.1 Kinh phí thường xuyên						
2.2 Kinh phí không thường xuyên				1.500.000.000	1.500.000.000	
Trong đó: - Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương						
- Kinh phí thực hiện Sửa chữa các tuyến đường phố (phố Tô Vĩnh Diện, phố Nguyễn Thái Học, Phố Nguyễn Viết Xuân, Phố Lê Văn Tám) thị trấn Tam Đường (Bổ sung có mục tiêu)	292		12	1.500.000.000	1.500.000.000	

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị dự toán cấp 1: Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông

Mã chương đơn vị DT cấp 1: 640

Mã đơn vị QH với ngân sách: 1058325

ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông

Mã đơn vị QHNS: 1058325

Mã Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch: 3166

Mã địa bàn hành chính: 106

(Kèm theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Tam Đường)

ĐVT: đồng

Nội dung	Mã khoản	Mã chương trình mục tiêu (nếu có)	Mã nguồn NSNN	Dự toán		
				Tổng số (6+7)	Rút dự toán	Cấp bằng lệnh chi tiền
1	2	3	4	5	6	7
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách các khoản phí, lệ phí						
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước				-1.500.000.000	-1.500.000.000	
1. Chi sự nghiệp truyền thanh - truyền hình						
2. Sự nghiệp Văn hóa				-1.500.000.000	-1.500.000.000	
2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ						
<i>Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>						
2.2 Kinh phí không thường xuyên				-1.500.000.000	-1.500.000.000	
<i>Trong đó: - Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>						
<i>- Kinh phí sửa chữa tháp truyền hình và các hạng mục phụ trợ (Bổ sung có mục tiêu)</i>	201		12	-1.500.000.000	-1.500.000.000	

BIỂU CHI TIẾT

Bổ sung dự toán ngân sách năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Tam Đường)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số tiền	Chi tiết đơn vị bổ sung													Ghi chú
			Xã Bản Bo	Xã Bản Giang	Xã Bản Hòn	Xã Giang Ma	Xã Nà Tăm	Xã Nùng Nàng	Xã Sơn Bình	Xã Tả Lèng	Xã Thèn Sin	Thị trấn Tam Đường	Xã Bình Lư	Xã Khun Há	Xã Hồ Thầu	
1	Tổng dự toán bổ sung nguồn kinh phí không tự chủ	1.588.000	163.800	88.200	100.800	113.800	100.800	88.200	88.200	113.400	100.800	163.800	189.000	176.400	100.800	
-	Chính sách hỗ trợ thường xuyên hằng tháng đối với người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở năm 2024 theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND tỉnh ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh (04 tháng năm 2024)	1.588.000	163.800	88.200	100.800	113.800	100.800	88.200	88.200	113.400	100.800	163.800	189.000	176.400	100.800	Bổ sung có mục tiêu

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị dự toán cấp 1: Văn Phòng HĐND-UBND huyện Tam Đường

Mã chương đơn vị DT cấp 1: 605

Mã đơn vị QH với ngân sách: 1052952

BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Văn phòng HĐND-UBND

Mã đơn vị QHNS: 1052952

Mã Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch: 3166

Mã địa bàn hành chính: 106

(Kèm theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Tam Đường)

ĐVT: đồng

Nội dung	Mã khoản	Mã chương trình mục tiêu (nếu có)	Mã nguồn NSNN	Dự toán		
				Tổng số (6+7)	Rút dự toán	Cấp bằng lệnh chi tiền
1	2	3	4	5	6	7
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách các khoản phí, lệ phí						
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước				1.300.000.000	1.300.000.000	
1. Quản lý hành chính				1.300.000.000	1.300.000.000	
1.1 Kinh phí thực hiện tự chủ						
<i>Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>						
1.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	341		15	1.300.000.000	1.300.000.000	
<i>Trong đó: - Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>						
<i>- Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác chung</i>				1.300.000.000	1.300.000.000	

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị dự toán cấp 1: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Tam Đường

Mã chương đơn vị DT cấp 1: 718

Mã đơn vị QH với ngân sách: 1052956

BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Hội người cao tuổi

Mã đơn vị QHNS: 1052956

Mã Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch: 3166

Mã địa bàn hành chính: 106

(Kèm theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Tam Đường)

DVT: đồng

Nội dung	Mã khoản	Mã chương trình mục tiêu (nếu có)	Mã nguồn NSNN	Dự toán		
				Tổng số (6+7)	Rút dự toán	Cấp bằng lệnh chi tiền
1	2	3	4	5	6	7
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách các khoản phí, lệ phí						
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước				30.000.000	30.000.000	
1. Tổ chức xã hội				30.000.000	30.000.000	
1.1 Kinh phí thường xuyên						
<i>Trong đó: Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>						
1.2 Kinh phí không thường xuyên				30.000.000	30.000.000	
<i>Trong đó: - Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương</i>						
<i>- Hỗ trợ Hội Người cao tuổi tổ chức Đại hội thành lập Hội Người cao tuổi huyện Tam Đường nhiệm kỳ 2021-2026</i>	362		15	30.000.000	30.000.000	

Cấp ngân sách: 3

Đơn vị dự toán cấp 1: Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Tam Đường

Mã chương đơn vị DT cấp 1: 626

Mã đơn vị QH với ngân sách: 1064908

BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

Đơn vị: Phòng Tài nguyên & Môi trường

Mã đơn vị QHNS: 1064908

Mã Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch: 3166

Mã địa bàn hành chính: 106

(Kèm theo Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND huyện Tam Đường)

DVT: đồng

Nội dung	Mã khoản	Mã chương trình mục tiêu (nếu có)	Mã nguồn NSNN	Dự toán		
				Tổng số (6+7)	Rút dự toán	Cấp bằng lệnh chi tiền
1	2	3	4	5	6	7
I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách các khoản phí, lệ phí						
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước				1.178.000.000	1.178.000.000	
3. Sự nghiệp kinh tế khác				1.178.000.000	1.178.000.000	
3.1 Kinh phí không thường xuyên				1.178.000.000	1.178.000.000	
Trong đó: - Kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương						
Kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024	332		15	1.178.000.000	1.178.000.000	